



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01366/2025/PKQ (25.485)

Tên khách hàng: Công Ty TNHH MTV Phát Triển Đô Thị Và KCN IDICO (IDICO URBIZ)
Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Thời gian nhận mẫu: 11/04/2025
Thời gian thử nghiệm: 11/04/2025 – 18/04/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Tên mẫu: N - NHONTRACH 1: Mương đo lưu lượng sau HTXL
(Tọa độ vị trí: X: 1187734 Y:410786)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	13	SMEWW 5210B:2017
2	Asen (As) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
3	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
4	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
6	Cr ³⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
7	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
8	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
9	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	SMEWW 3111B:2017
10	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
11	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
12	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
13	CN ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN.C&E:2017
14	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
15	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
16	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	TCVN 6637 : 2000

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
17	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	1,56	SMEWW 4500-F.B&D:2017
18	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(b)	mg/L	0,29	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
19	Tổng Nito ^(b)	mg/L	7,4	TCVN 6624-2:2000
20	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	1,19	SMEWW 4500-P.B&E:2017
21	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	386	SMEWW 4500-Cl-.B:2017
22	Clo dư ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl-.G:2017
23	Coliform ^(b)	MPN/100mL	KPH (MDL = 2)	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp: Mẫu lấy ngày 11/04/2025
Tại thời điểm nhận mẫu, mẫu đang trong tình trạng được xử lý bảo quản và dán tem niêm phong nguyên vẹn, cụ thể:

- Bình nhựa 5 lít (bảo quản lạnh) tem số 027852
- Chai thủy tinh tối màu 1 lít (H₂SO₄ 1:1 → pH:1-2) tem số 027853
- Chai thủy tinh tiệt trùng 100mL (bảo quản lạnh) tem số 027854
- Bình nhựa 1 lít (H₂SO₄ 1:1 → pH:1-2) tem số 027855
- Bình nhựa 1 lít (HNO₃ → pH:1-2) tem số 027856
- Bình nhựa 1 lít (NaOH 10M → pH >12) tem số 027857

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.